

Bản án số: 132/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2026

“Ly hôn, tranh chấp và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đăng Ký và ông Đinh Bằng Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn Ph, sinh năm 1983; ĐKTT và hiện trú tại: Thôn Y, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; Số CCCD 042083006xxx; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1991; ĐKTT và trú tại: Thôn Y, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; Số CCCD 0420191019xxx. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Trần Thị D, sinh năm 1957; ĐKTT và trú tại: Thôn Y, xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Ph và chị Hoàng Thị C kết hôn với nhau vào ngày 15/6/2009 tại UBND xã X, huyện Ng, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách, lối sống

của vợ chồng không hòa hợp. Năm 2020 chị C đi nước ngoài làm việc, từ đó hai người cách xa nhau, không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh Ph xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu tòa án giải quyết cho anh Ph được ly hôn chị C.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Hoàng L, sinh ngày: 20/7/2008 và Phan Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/9/2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay các con ở với anh và do anh nuôi dưỡng. Nay anh có nguyện vọng được nuôi các con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Hoàng Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Văn Ph có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt.

** Đối với bị đơn chị Hoàng Thị C:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 206/QLXNC- Đ1 ngày 26/01/2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hà Tĩnh thể hiện: “Chị Hoàng Thị C, sinh ngày 25/02/1991, đã xuất cảnh ngày 07/3/2020 qua cửa khẩu SBQT Nội Bài bằng HC số B6125351, không thấy thông tin nhập cảnh về nước trên hệ thống”.

Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của chị Hoàng Thị C và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của chị C ở thôn Y, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của Ban đối ngoại (VOV5) cho chị Hoàng Thị C biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (06h00 ngày 06/02/2026, 06h00 ngày 07/02/2026 và 06h00 ngày 08/02/2026) để chị C về giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chị Hoàng Thị C không có mặt theo thông báo của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ph.

Tại biên bản xác minh ngày 10/03/2026 và 07/4/2026, bà Trần Thị D, cháu Phan Hoàng L và Phan Thị Huyền Tr cùng trình bày nội dung: Bà là mẹ chồng của chị Hoàng Thị C, các cháu Phan Hoàng L và Phan Thị Huyền Tr là con đẻ của chị C nêu: Hoàng Thị C và anh Phan Văn Ph tự nguyện đăng ký vào ngày 15/6/2009 tại UBND xã X, huyện Ng, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị C đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay chưa về nước. Bà và 2 cháu Lê, Trang vẫn thường xuyên liên lạc với chị C qua mạng xã hội Facebook Hoàng Thị C và cháu là Hoang Le nhưng chị C làm công việc gì, tại địa chỉ cụ thể của nước nào thì chị C không thông báo cho bà biết. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo lại cho chị C được biết việc anh Phan Văn Ph đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Tại biên bản ghi ý kiến trình bày của bị đơn thực hiện từ ứng dụng messenger, chị Hoàng Thị C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: như ý kiến trình bày của anh Ph, chị Hoàng Thị C đồng ý ly hôn anh Phan Văn Ph; Về con chung: như ý kiến trình bày của anh Ph, nếu ly hôn chị C có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng con chung Phan Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/9/2009 và anh Ph chăm sóc nuôi dưỡng con chung Phan Hoàng L, sinh ngày 20/7/2008. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Do hiện nay chị C đang đi làm ăn xa tại nước ngoài nên chị C tạm thời nhờ bà Lê Thị D là mẹ đẻ anh Ph chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi chị C về Việt Nam. Quá trình làm việc lao động tự do lương thu nhập bình quân 10-15 triệu/1 tháng, hàng tháng chị C gửi tiền về qua cháu Phan Hoàng L để gửi bà D dự chăm sóc nuôi dưỡng con chung; Về tài sản, nợ chung: Thống nhất như ý kiến của anh Ph, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình sau đó chị C không có bất kỳ thông tin, văn bản ý kiến trình bày nào khác.

Ngoài ra chị C cho biết hiện nay chị đang làm ăn ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể, nên chị đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị qua bà Lê Thị D, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Bà Lê Thị D nhất trí như ý kiến của chị C, bà D đồng ý tạm thời chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị C về Việt Nam, việc cấp dưỡng nuôi các cháu bà Lê Thị D không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh, sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, 228 điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng TPTAND tối cao; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho anh Phan Văn Ph ly hôn chị Hoàng Thị C.

Về con chung: Giao con chung Phan Hoàng L, sinh ngày 20/7/2008 cho anh Phan Văn Ph, giao con chung Phan Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/9/2009 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về án phí: Anh Phan Văn Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn Ph có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Hoàng Thị C.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị Hoàng Thị C có nơi đăng ký thường trú tại thôn Y, xã T, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Phan Văn Ph có đơn yêu cầu không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Hoàng Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn Ph:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Ph kết hôn với chị Hoàng Thị C trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 15/6/2009 tại UBND xã X, huyện Ng, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh), được thể hiện tại bản Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 15/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Ng, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh) do anh Ph giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của anh Phan Văn Ph và chị Hoàng Thị C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau hai người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị C lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng, qua người thân, qua cuộc gọi Facebook chị C cũng trình bày quan điểm về việc đồng ý ly hôn anh Ph. Hội đồng xét xử thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau được gần 10 năm và đã sống ly thân hơn 5 năm; trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, chị C hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; anh Ph luôn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn và chị C đồng ý chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Ph yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị C và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị C, anh Ph có hai con chung là cháu Phan Hoàng L, sinh ngày: 20/7/2008 và Phan Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/9/2009. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với anh Ph, chị C yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang và anh Ph nuôi dưỡng cháu Lê và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, từ khi chị C đi xuất khẩu

lao động tại nước ngoài đến nay các cháu vẫn ở ổn định với anh Ph, được chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, bình thường, tuy nhiên chị C vẫn thường xuyên gọi điện và chu cấp tiền về nuôi con nên yêu cầu được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay chị C đang ở nước ngoài nên cũng đồng ý việc tạm thời nhờ bà nội chăm sóc con, sau khi chị về sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang, các con chung Phan Hoàng L và Phan Thị Huyền Tr (trên 7 tuổi) cũng có đơn nguyện vọng Lê muốn được ở với bố Ph và Trang nguyện vọng muốn được ở với mẹ do đó cần giao con chung Phan Hoàng L cho anh Ph và con Phan Thị Huyền Tr cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và phù hợp với điều kiện của các bên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau nên Tòa án không xem xét.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phan Văn Ph phải chịu án phí sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 207, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 278, 280, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Văn Ph được ly hôn chị Hoàng Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Hoàng L, sinh ngày: 20/7/2008 cho anh Phan Văn Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Phan Thị Huyền Tr, sinh ngày 30/9/2009 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Phan Văn Ph phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng chi đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000844 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, chị Hoàng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Hương

